

SỐ 1801

BÀI TỰA
THỈNH QUAN ÂM KINH SỚ
XIỂN NGHĨA SAO

Sớ này do ngài Trí Giả giảng, ngài Chương An ghi chép. Xưa nay, bậc thầy của loài người, không nghe khen ngợi thuật lại, việc truyền trao bị đứt, kẻ hậu học thường chẳng biết tên hoặc biết tên mà chưa cầm được quyển sách. May thay! bản văn này chưa mất, thông suốt một đường. Tôi vốn kém cỏi nhưng cũng rất đau lòng; nếu cứ im lặng thì lấy gì truyền lại cho đời sau; tôi bèn nhân thời gian bị bệnh, y theo văn mà bày nghĩa, dùng bút chép ra. Toàn bộ hai quyển, ngõ hầu bày tỏ rõ ràng ở ý chí lớn, khai phát đối với kẻ ngu. Viết xong bèn soạn lời tựa, để nói lý do, lại đặt tên là Xiển nghĩa.

Bài tựa này viết khi đang bệnh ở trên tháp phía Nam, ngày mồng ba đầu hạ, năm Kỷ Dậu đời Tống.

SỐ 1801

THỈNH QUAN ÂM KINH SỚ XIỂN NGHĨA SAO

Sa-môn Thích Trí Viên ở Tiên Đường đời Tống soạn

QUYỂN 1

Bốn chữ “kinh Thỉnh Quán Âm” là tên riêng của Sớ, Sớ là tên chung, vì giải thích các kinh nên gọi chung là Sớ. Vì để phân biệt nên gọi tắt bốn chữ. Sớ là sơ, là quyết, giải thích lý văn kinh, quyết định nghĩa thú. Nhưng người trí giải thích kinh đề gọi là huyền nghĩa, giải văn gọi là văn cú. Huyền Văn hợp thành một bộ ấy thời đề là sơ, nay đã hợp lại nên đề là Sớ. Thiên Thai là núi nơi ở, Trí Giả là người giảng kinh. Xưa, khi vua Dương Đế đời Tùy làm Tấn Vương, đã thọ giới Bồ-tát với Đại Sư, bèn y theo kinh Địa Trì đặt hiệu cho Sư, hiệu là Trí Giả. Đại sư là danh từ khen ngợi. Sư là gọi người dạy đạo. Người xưa dạy phép tắc hạnh kiểm cho người, người ấy được gọi là Đại sư. Đến đời Đường, vua Ý Tông bỏ vào làm quan, từ đó về sau tuy có sự thật như vậy nhưng chẳng dám vờ. Nói: là nói năng bàn luận, chẳng phải cầm bút viết. Văn này do đệ tử Chương An ghi chép cho nên chẳng ghi húy, mà ghi danh hiệu. Đệ tử: là người bỏ cha theo thầy, kính thầy như cha, thầy khiêm nhường nên coi như em, do đó mà biết danh từ đệ tử có nghĩa ẩn tàng là kính nhường; Thầy vờ trò là đệ tử nằm trong chữ Nhượng. Trò cũng tự xưng là đệ tử nằm trong chữ kính. Tuy có các thuyết khác nhau nhưng ở đây y theo Tịnh Danh sớ. Pháp sư Đảnh, húy là Quán Đảnh, tự và Pháp Vân, người ở Chương An thuộc Lâm Hải, gọi là Pháp sư Đảnh, Sớ này vốn không có tên người ghi chép, do người sau hình dung ra cho nên

không ghi tên húa người ấy, là lễ. Như Pháp Hoa Hành Nghi Pháp Giới Thứ Đệ, là do Đại sư đích thân soạn ra cho nên đều tự ghi tên húa, cho đến các bộ số khác hễ đệ tử ghi chép lời giảng của Đại sư, đều ghi là do Đại sư Trí Giả giảng. Lại nữa, như Niết-bàn Số đã được sự hiệu đính của ngài Kinh Khê, cho nên cũng ghi là do Pháp sư Đảnh soạn, đây là nêu bày nghi thức. Lại là phép tắc. Sách Lễ nói rằng hai tên ấy chẳng phải tên húa riêng, nghĩa là hai chữ danh từ ấy chẳng phải đều là tên húa. Cho nên ở đây gọi Đảnh mà không gọi quán. Lại nữa như húa của Đại sư là Trí Khải, ở đây gọi Trí là chỉ một chữ húa, riêng húa ấy chẳng phải xưa, là sự tiết lược của người đời sau, nhưng thi thơ chẳng phải húa, lâm văn chẳng phải húa. Người giảng gọi đầy đủ cho nên không có lỗi. Trong Pháp Hoa có năm loại Pháp sư, một là Thọ trì, hai là Đọc, ba là Tụng, bốn là Giải thích, năm là Viết chép. Ở đây Chương An là người giải thích, cho nên người được vời là Pháp Sư. Ký là ghi chép lời giảng của Pháp sư.

Kế là đi vào chính văn. Từ đây v.v... trở xuống chia ra khoa tiết, phần nào ấm hành riêng thì không biên vào. Về người, pháp thì, “Thỉnh Bồ-tát Quán Thế Âm” là người. “Đà-la-ni tiêu phục độc hại” là pháp. Nếu nói về tự độ thì nên để pháp trước người sau, vì các Phật là bậc Đạo sư nên nói là pháp, Quán Âm do ngộ pháp mà thành đạo. Nay nói về độ tha cho nên để người trước pháp sau, vì pháp chẳng vượt ngoài sự mở rộng của người, cho nên Quán Âm nói pháp sở chứng, đối trị độc hại của ba chương khác. Do đó đề kinh là người trước pháp sau. Người phát khởi lòng từ vô duyên, vượt ngoài pháp chúng sanh kia nên gọi là Chí từ, Đạo vượt hơn phạm phu Tiểu thừa nên gọi là Đại sĩ, lìa cái xấu của hai bên nên gọi là Chí Lương, đối trị chương ngại chẳng lường đối nên gọi là Thần chú. Đại sĩ là người năng thuyết, thần chú là pháp sở thuyết, chí từ là làm rõ đức của Đại sĩ, chí Lương là công năng tốt đẹp của thần chú. Quần cơ là người Nguyệt Cái và Tỳ-xá-ly. Năng thì đối lập với sở. Nếu quần cơ là năng cảm thì Quán Âm là sở cảm. Quán Âm là năng cảm thì quần cơ là sở cảm. Nay bực Thánh mất đi sở cảm gọi là năng ứng, hễ mất đi sở ứng gọi là năng cảm, đều do công lực từ năng mà gọi; cho nên hễ do lý đầy đủ ba ngàn; năng cảm bậc Thánh do ba ngàn phân chia hiển bày nên thuộc về năng ứng. Tiêu phục v.v... tiêu là tiêu trừ, phục là điều phục, ba chương là gọi chung các thứ độc hại. Kinh nói rằng tiêu trừ ba chương, không có các năng lực xấu ác, là dụng; lại nữa, vì sanh điều lành nên nói là Lực. Diệt ác nên nói là Dụng. Chú này dụng của nó là tiêu trừ ba chương, hiển phát năng lực của ba đế. Chính

thể là ba đức. Thử gian đấng: Đà-la-ni là tiếng Phạm, Hán dịch là Già trì. Ba nghĩa gồm trì danh, trì hạnh và trì nghĩa. Hai bên là sanh tử, Niết-bàn, biết lý của ba đức ngay nơi tịch là chiếu, năng trì ngay nơi chiếu mà tịch, năng già là dụng, tức dưới đây số này giải thích đề. Gồm có ba thứ, nói cả ba nghĩa, một là người năng thuyết, hai là pháp sở thuyết, ba là kinh tổng đề nhân và tổng đề, sẽ nói ở phần dưới. Pháp có ba nghĩa, chính ở văn này, cho nên đến phần giải thích riêng sẽ giải thích. Hai là văn chung, riêng xen nhau hiện ra ở nghĩa ấy. Đó là sự nói pháp khéo léo của Đại sư, sự tài ba của nét bút Chương An. Song bộ này chung cho bốn giáo và ba thứ, ba nghĩa đều y theo viên để nói về chỉ của văn luận, cho nên đúng với đường lối tu hành, sâu thâm cạn nhiếp, đúng với bản ý của Phật. Người nói, người quán phải suy nghĩ phân biệt cho đúng đắn. Về sự, ba đoạn văn dưới đều trực tiếp nêu bày sự độc hại để nói lên việc tiêu trừ điều phục, là kinh nói rằng khi gặp cạp sói, sư tử và thuốc độc, dao kiếm sắp đến chém giết mà xưng danh niệm chú liền được giải thoát, đều nói về sự tiêu phục. Năm trụ nghĩa là ba cõi thấy là một, ba cõi nghĩ là ba, đầy đủ vô minh cội gốc thành năm, đều là pháp mê mờ phiền não khuấy rối tâm tánh, gọi chung là phiền não, tức gọi phiền não này là cạp sói v.v... kinh nói dứt sạch cội gốc của ba độc, chẳng bị ba độc v.v... là nói về chứng cứ rõ ràng của hành, cho nên dưới đây giải thích cạp sói, dẫn kinh Kim Quang Minh cho rằng bậc Thập Địa còn bị nạn cạp sói chính là ý này. Tu nhất tâm ba quán, phá năm trụ hoặc là y theo hành mà tiêu độc. Pháp giới vô ngại ba đế nhất tâm gọi là pháp giới, chúng sanh và Phật xen nhau dung thông đều chẳng ngăn ngại, nên gọi là vô ngại. Về không nhiễm mà nhiễm, Tịnh Danh Sở nói rằng: Tâm Trung đạo tự tánh thanh tịnh, không bị phiền não làm ô nhiễm, vốn chẳng có buộc mở, không nhiễm mà nhiễm, khó có thể biết rõ được. Tức là chúng sanh mê mờ chân tánh giải thoát, khởi sáu mươi hai kiến chấp. Xét ý nghĩa lời nói này và vô minh tạo khắp các pháp, tức không nhiễm mà nhiễm, toàn lý tánh thành độc gọi là lý tánh. Độc do lý độc cho nên liền có hành độc, sự độc. Ở đây, quán các pháp duy tâm, thể nhiễm đều thanh tịnh, tức thân chú đối trị độc của lý tánh thì khác với hành ra sao? Đáp: trước đây nói về hành là nói về trí đoạn, trí tức là năng đoạn, đoạn là sở đoạn, năm trụ đoạn xứ gọi là tiêu hành độc. Ở đây thì không phải như vậy, chuyên nói về đế lý, lý chẳng phải năng sở, chỉ do đầy đủ hoặc tức là không nhiễm mà nhiễm, gọi là độc hại, hoặc tức là pháp tánh, tức là nhiễm mà không nhiễm, gọi là tiêu phục. Cho nên tánh của hoặc đối đãi nhau, chẳng quan hệ trí đoạn. Có chỗ

cho rằng tánh ác là lý độc, nghĩa độc tuy thành nhưng nghĩa tiêu trừ hoàn toàn thiếu sót. Nếu không có nghĩa tiêu thì đâu gọi là dụng? Nếu nói rằng có thì nên bỏ tánh ác, pháp môn tánh ác không thể phá được. Năm lớp chú thích ở dưới, thứ lớp nêu rõ chẳng phải giả. Trước là nêu tên v.v... trở xuống là chỉ rõ năm chương. Hễ giải thích tên thì phải nói chung về ba pháp: Thể, tông, dụng, nói riêng ba pháp giáo tướng, phân biệt ba pháp. Người pháp là tên, thỉnh là năng cảm, Quán Âm là năng ứng, tức cảm ứng. Tông tiêu phục độc hại nói về năng lực kia, dụng là công dụng của cứu nguy nhỏ gốc khổ. Đà-la-ni nói rõ chính thể tức thể của pháp thân. Giải thích tên gọi nói chung là ở đây. Linh cho đến chí là thể, kinh chung ở cả bốn giáo, lý có thiên, viên. Nếu nói về chính thể thì chỉ lấy viên lý, linh tri vắng lặng đều là pháp thân, tức là nghĩa của chiếu, nhưng tịch chiếu chẳng phải hai. Bồ-tát đã từ quán trí mà đặt tên, vì sợ từ năng nên dùng nghĩa chiếu làm thể. Trường hợp này nếu dùng chỉ định làm danh, thì nên dùng nghĩa tịch làm thể. Linh tri tức pháp thân linh minh bản giác. Tịch chiếu là linh tri, pháp thân này ngay nơi tịch mà chiếu. Nên biết ba thân đều thường, ba đế đều chiếu. Từ Thắng từ Bản để chỉ cho pháp thân. Lại nữa thể tánh vốn một, nhưng có nhiều tên gọi, vì thế khiến cho các văn nói về thể, theo văn ước nghĩa, tên gọi khác nhau. Pháp Hoa nói về khai quyền, thật tướng là thể. Niết-bàn nói về sự vắng lặng, tức tánh tịnh Niết-bàn là thể. Phổ Môn nói về hai thân, mới đem linh tri hợp với pháp thân làm thể. Linh tri là báo thân, báo thân hợp với pháp thân. Nghĩa mà hai thân làm sáng tỏ chính là chân thân. Cho đến nếu kinh này ba vị Thánh giáng lâm tiêu biểu cho ba đức, thì nên lấy pháp thân làm thể của kinh. Lại nữa, phẩm Phổ Môn nói tùy loại mà hiện thân, kinh này nói nghi thức vị Thánh chúa đến. Nói về nghĩa thân thì tiện lợi nên trong phần nói về thể đều đặt tên của thân. Về cảm ứng làm tông, “Nguyệt Cái trí thỉnh” là chiêu cảm ba vị Thánh, “viễn giáng” là ứng. Giáo pháp hưng thịnh do đây, cho nên dùng làm tông, song các kinh hoặc dùng nhân quả làm tông, nhưng với kinh này, nói nghĩa chẳng tiện. Vì sao? Vì nói nhân quả đều thông, phàm Thánh đều có. Như người Xá-ly đến xin cầu cứu là nhân, vị lai chứng đạo là quả. Ở đây, nhân quả đều có. Quán Âm, thuở xưa khi còn ở giai vị phàm phu là nhân, nay ở phần chứng là quả. Bạc Thánh này có nhân quả. Nay vì phàm tuy có nhân quả nhưng lấy cảm làm tên, bạc Thánh tuy có nhân quả nhưng dùng ứng làm tên. Cho nên dùng cảm ứng làm tông. Cứu nguy nhỏ gốc khổ làm dụng vì xá-ly bệnh khổ, nạn khổ treo ngược, dùng đại bi cứu giúp cho bình phục như xưa, cũng cho vui nhỏ gốc khổ làm

chính. Về Đại thừa là giáo tướng, bao trùm là đại, vận tải là thừa, giáo thì lời bậc Thánh bao trùm người dưới, tướng thì phân biệt giống nhau, khác nhau, tuy bộ này nói về bốn giáo, nhưng ba giáo Đại thừa là ý chính. Ba nghĩa vãng giản, vì y theo sự tu hành trước sau, ba nghĩa thấu tóm tất cả, y theo giáo pháp tu hành thành kế lý. Vì ba nghĩa đều có chung, riêng cho nên có tên chung, riêng. Ba ý này là ý chỉ của hai tên chung, riêng. Nếu dùng vị phần tức y theo giáo, thuộc về danh tự vị nhân. Nương vào giáo mà sanh hiểu. Nói về hành thuộc về quán hạnh tương tự, nương giải thoát tu hành. Nói về lý thì ở Sơ Trụ, phần chứng bốn lý. Nhưng nói về hành lại phải tu từ dụng. Nếu nói về sự tu tạo thì vẫn phải ở danh từ, chính khi hạnh thành mới gọi là quán hạnh, phải phân biệt giai vị mới biết ý chỉ này. Giáo ở dưới có giải thích. Ba nghĩa này là nói về lý, nói về hạnh, đều đối với lý tánh mà làm thông biệt, hành biệt, đồng quy về một lý. Tên khác nhau nhưng trước y theo giáo thì không đối lý. Nói Thanh Văn, Thanh là tiếng bị nghe, giáo là tám âm bốn biện. Văn là căn cơ năng văn, dùng nhĩ thức để phân biệt. Đại luận nói: Nhĩ căn không mất tác dụng, có âm thanh thì nghe được; cơ nghi khác nhau thì lời nói sẽ khác nhau. Lời nói đã khác nhau thì các bộ mới khác nhau. Kinh này kinh kia đều có tên gọi khác nhau, nên nói là tên khác nhau. Các đệ tử khác tức là Hiền Thánh Ba thừa.

Hỏi: Trí Luận nói: Kinh Phật do bốn hạng người nói, đó là đệ tử, các tiên, các vị trời, và hóa nhân, sao ở đây nói chẳng phải?

Đáp: được Phật ấn khả thì đều gọi là Phật nói. Như kinh này, Quán Âm nói chú, Thân Tử nói bốn đại đều nhập vào mé thật, được Phật ấn chứng nên gọi là Phật nói, vào đạo nhiều đường, chí lý thông suốt thấu tỏ là Đạo. Các kinh gọi là bốn tất-đàn. Tùy căn cơ nêu bày con đường để vào lý, chẳng phải chỉ một loại, nên nói là nhiều đường. Về quán môn có khác nhau, như bốn hạnh an vui của Kinh Pháp Hoa là cửa vào lý. Kinh này dùng số tức v.v... làm cửa vào lý. Lại nữa, bốn giáo, bốn môn khác nhau đều là nghĩa khác. Kế đạo: Là kế hội chân đạo, tức vào thời phần chứng ba đức của Sơ Trụ, cho đến địa vị này thời tu tánh hợp nhất, không phân chia lại. Cho nên nói đồng trở về một lý. Lý: là hướng lý đã kế hợp của quán môn. Chân như: Thể chẳng phải lưỡng đối nên nói chân tánh không thay đổi khác được. Xứng với như, chẳng hư danh, thật chí cực gọi là tế, chẳng phải tướng sanh tử, chẳng phải tướng Niết-bàn gọi là thật tướng. A-lê-da cũng gọi là A-lại-da, Hán dịch là Tàng thức, dùng tự thể năng tàng để chứa đựng các pháp trong tự thể. Đây đều là tên khác của nhất tâm tam đế.

Hỏi: sao chẳng dùng tịnh thức thứ chín làm tên để giải thích lý ư?

Đáp: Đại sư y theo Địa luận nói thức A-lại-da là tịnh thức chân thường, chẳng lập thức thứ chín. Nếu theo Nhiếp Luận thì lại-da là thức vô ký vô minh tùy miên. Thức thứ chín mới gọi là tịnh, do đó biết rằng hai luận tùy theo căn cơ cho nên khác nhau. Nếu y theo nghĩa Tức thì chỉ đến thức thứ tám. Như nói rằng ngay nơi vô minh là pháp tánh. Nếu y theo nghĩa Ly mới lập thức thứ chín giống, như nói dứt bỏ vô minh tức là pháp tánh. Nếu hiểu tông này thì đáng lẽ không có tranh cãi; chẳng tức chẳng ly, một thể không khác, vừa tức vừa ly thì đâu ngại gì lập hai? Ví dụ sóng và nước, ý chỉ có thể biết. Trong người và pháp là nói nguyên nhân. Đà-la-ni là ba đức, là pháp sở chứng. Quán Thế Âm tức là người năng chứng, tự đã chứng ba đức, nay nói chú này giúp người khác cũng chứng ba đức. Cho nên pháp nhờ người truyền, người nhờ pháp mà lập. Thành nhau, tức nhau chẳng thể tạm phân chia. Nay thuận theo đề kinh nói về nghĩa giáo hóa người khác, cho nên trước nói người, sau nói pháp. Về tự thỉnh, sao ở đây hỏi, Thân tử căn cảnh tương ưng nhiếp trụ, tự làm cửa vào đạo. Cho nên gọi là tự thỉnh. Nguyệt Cái vì Xá-ly bệnh nặng cho nên Phật nói kệ phó chúc truyền bá cho người, vì giữ gìn chánh pháp. Ba thứ này đều gọi là thỉnh Quán Âm. Nếu nói về văn kinh thì vì người phải ở đầu. Nay y theo nghĩa tiện cho nên trước nêu phần tự thỉnh, vì tự thỉnh ý hẹp vị tha, kể là hộ pháp rất rộng, từ hẹp đến rộng, là thứ lớp.

Hỏi: Tư-na thỉnh, Thân Tử nói sáu căn, Như-lai phó chúc tám bộ. Sao gọi là thỉnh Quán Âm?

Đáp: Quán Âm từ xa giảng, ý ở chỗ nói pháp đối trị các chướng; điều Tư-na thỉnh cũng là pháp này. Như-lai phó chúc tám bộ cũng chỉ làm cho pháp này tồn tại lâu dài ở đời. Nói về người, tuy có khác nhau nhưng pháp môn chẳng khác nhau. Dùng pháp để nói về người đều là thỉnh Quán Âm. Ba lần thỉnh đối với ba nhóm giới, nên lấy thứ nhất đối nhiếp luật nghi, thứ ba đối nhiếp pháp thiện. Kinh Anh Lạc nói: Luật nghi giới là mười ba-la-di. Giới số nói rằng, nhiếp luật nghi làm cho tâm an trụ v.v... Điều này cùng ý nghĩa hợp với kia đây tự thỉnh. Kinh Anh Lạc chép: Giới nhiếp thiện pháp là tám mươi bốn ngàn pháp môn. Giới số nói rằng: Nhiếp thiện tự thành Phật pháp. Ở đây tương ứng với Như-lai hộ pháp thỉnh. Kinh Anh Lạc chép: Nhiếp chúng sanh nghĩa là từ, bi, hỷ, xả, hóa độ chúng sanh giúp cho được an vui. Giới số nói rằng: Nhiếp chúng sanh thành tựu chúng sanh, ở đây tương ứng với Nguyệt Cái vị

tha thỉnh. Ấy cho nên ba thỉnh của kinh này tức ba nhóm. Tên ba nhóm này xuất xứ từ Phương đẳng Địa Trì, hơn nữa, vẫn nói tự thỉnh là nhiếp pháp lành, hộ pháp là thu nhiếp chánh pháp, hoặc là văn lầm lẫn, hoặc có căn cứ riêng. Nếu được dưới đây nêu ba giới vốn dung thông. Văn trước đã đối ba nhóm; trong đây chỉ hội hai tên, cũng sợ văn lầm. Nên nói: tự thân giới trong sạch tức là nhiếp luật nghi, định tuệ sáng sạch là nhiếp pháp lành. Sáng sạch là tương tự phần chân, cũng có nghĩa quán hạnh chung. Trích dẫn Hoa Nghiêm: các pháp do tâm, ba thứ giới, định, tuệ ngay nơi tâm sẵn có. Tâm ta đã như vậy, chúng sanh và Phật cũng như vậy. Kia, ta dung nhau cho nên chẳng khác nhau. Vì chẳng khác nhau cho nên Phật nói chỗ đã chứng cho ta nghe, tâm ta thanh tịnh trở lại có khả năng hóa độ người. Nghĩa của ba nhóm là ở đây. Mới biết ba thỉnh thể nó vốn dung thông. Hai bên v.v... trở xuống thì tự hành là chính, như kia đây thì vì người là chính, như Nguyệt Cái hộ pháp là chính, như Như-lai chính phụ luận bàn lẫn nhau, đều đủ ba thỉnh. Hành giả đời sau suy nghĩ đến đây, hết sức rớt ráo. Về yếu tâm, yếu là yêu cầu mong mỏi, dẫn chứng dưới đây. Trước đã nói tự thỉnh hợp dẫn, văn kia đây thỉnh. Nhưng Nguyệt Cái dẫn văn rõ ràng dễ hiểu. Nói theo phụ Chánh thì ba thỉnh đầy đủ lẫn nhau, dẫn chứng lẫn nhau, không giới hạn phạm vị. Mục đích chỉ là thỉnh Quán Âm, chẳng phải các vị Thánh khác. Thực hành thỉnh, tuy không nêu tâm để thực hành tịnh, tự nhiên cảm Thánh tức thực hành tịnh, vì thế thỉnh này gọi là hành thỉnh, chứng thỉnh cũng vậy. Tam-muội Niệm Phật cũng giống như Kinh Bát chu Tam-muội, khi thành tựu thì thấy mười phương Phật đứng trong hư không v.v... vì nói tuy chẳng nêu tâm, mà chứng lý thì tự thấy Quán Âm. Hành thỉnh địa vị ở quán hạnh, chứng thỉnh địa vị ở sáu căn và Sơ Trụ. Nêu tâm nhất là địa vị có cả sâu lẫn cạn, thân nghiệp v.v... trở xuống chẳng hạn như nói miệng, ý đều có đủ ba thỉnh. Văn hồi hướng tuy nói là ba nghiệp không có dấu vết mà chính ở thân nghiệp.

Hỏi: khẩu nghiệp trái ngược, thân nghiệp có thể như vậy không! Ý nghiệp thì sao? Nói nêu tâm v.v... ư?

Đáp: Nếu y theo Quán Tâm tâm mạch của kinh này thì thấy Quán Thế Âm, là nêu tâm. Nếu theo kinh Pháp Hoa, Niết-bàn thì chỉ quán tướng thật của tâm tánh, nhập quán hạnh đẳng vị thì tự thấy Quán Âm, ở đây ban đầu không nêu tâm cho nên hành thỉnh, chứng thỉnh. Nhưng, thỉnh ở luận này đều nói về thấy ứng thân kia. Nếu nêu tâm không cảm thì do đời trước và hiện tại duyên mỏng cạn, chẳng phải nghĩa thỉnh ở đây, chẳng nêu mà cảm, đây là do duyên quá khứ, hiện tại sâu dày,

chính là nghĩa thỉnh ở đây. Ý nghĩa của nêu tâm phục cảm có thể biết. Vị Thánh này đã như vậy thì các vị Thánh khác cũng vậy. Vả lại, ba nghiệp của chúng sanh mạnh yếu xen nhau, mạnh có thể là căn cơ. Cho nên đối với ba nghiệp mỗi nghiệp đều nói về ba thỉnh, đủ mười hai thứ trước, nghĩa là tự tha hộ pháp, mỗi thứ đều có đủ ba duyên cầu nguyện, là mười hai.

Hỏi: hộ pháp đã là Như-lai phó chúc vì sao cũng nói về ba nghiệp, luận nêu tâm đấng thỉnh?

Đáp: kinh tuy phó chúc mà hành nhân đâu không vì hộ chánh pháp mà thỉnh Quán Âm ư? Chín cõi luận thỉnh: Cho đến Bồ-tát Tam giáo vì dứt trừ ba chướng ngoại giới phải thỉnh Quán Âm Viên giáo. Cõi Phật phải phân biệt nên hỏi rằng: Chín cõi có thể như vậy, cõi Phật làm sao thỉnh ư? *Đáp:* Danh Tự, Quán Hạnh Tức Phật vì dứt trừ ba chướng ở phần đoạn nên phải thỉnh Quán Âm của phần chứng, Tương Tự tức Phật vì trừ ba chướng ở biến dịch cũng vậy. Đối với phần chứng mỗi địa vị xen nhau mà làm, cho đến Đẳng giác vì dứt trừ ba chướng thỉnh Quán Âm rốt ráo. Đây là nói về Viên giáo, Năm tức đều gọi là cõi Phật. Nếu chấp lấy giai vị rốt ráo để làm ngược năng thỉnh, vì chúng sanh mà dứt căn cơ ác ở Quán Âm, cho nên phải thỉnh. Cho nên kinh nói: Bấy giờ, Đức Thế tôn thương xót chúng sanh che chở giữ gìn tất cả, lại thỉnh Bồ-tát Quán Thế Âm v.v... Bồ-tát đầy đủ các đức, viên chứng thật lý cho nên đầy đủ các đức. Văn-thù, gọi đủ là Văn-thù-sư-lợi, Hán dịch là Diệu Đức, do thấy ba đức, Phật tánh chẳng ngang chẳng dọc nên gọi là Diệu Đức. Đại kinh nói thấy rõ ràng Phật tánh giống như Diệu Đức v.v... Di-lặc, Hán dịch là Từ Thị, một thể ba Từ, chẳng chỗ nào không thâm nhiếp, cho nên lấy đó làm tên. Cho đến nói v.v... trở xuống là nói thể tánh vốn viên dung, giải thích đều đầy đủ nghĩa các đức. Cho nên: cả ba thứ đức, từ, trí là một thể nhưng khác tên, xoay vần dung nhiếp lẫn nhau. Vì ba đức, ba từ, ba trí, thể chẳng khác nhau, vô duyên chủng trí đều nói theo “thắng”. Trong thể song chiếu, Từ Trí đều đủ cả ba, nhưng ở dưới nói, tùy cơ lập hiệu. Nên nghe là hãy nghe được gì đều có bốn lợi ích, vì thế mỗi pháp đều lập hiệu. Đồng là nhân địa, là đều là nhân chân thật. đều nói nhân của thân, kinh Niết-bàn phẩm hai mươi hai chép: Năm trăm Tỳ-kheo hỏi Thân Tử rằng, Phật dạy nhân của thân, điều đó thế nào? Thân tử đáp: các ông cũng đều được chánh giải thoát, lẽ ra nên tự biết, vì phương tiện gì mà hỏi như vậy? Có Tỳ-kheo nói khi chúng tôi chưa được chánh giải thoát, ý nói rằng vô minh tức nhân của thân, khi khởi quán như thế thì đắc quả A-la-hán, có nói ái, có nói hành

cho đến uống ăn, năm dục. Như vậy, năm trăm vị Tỳ-kheo cùng ở chỗ Phật đều nói đã giải thoát. Thân tử bạch Phật: ai nói đúng? Phật dạy: Tất cả đều nói đúng. Về ba mươi hai thì trong kinh Tịnh Danh, ở pháp đầu Bồ-tát Tự Tại nói sanh diệt là hai, bất sanh bất diệt là chẳng phải hai. Cho đến Văn-thù nói rằng: không nói, không nêu bày là nhập vào không hai. Cộng chung là ba mươi hai vị, nếu tính luôn cư sĩ im lặng thì là ba mươi ba. Đồng nhập v.v... trở xuống, năm trăm Tỳ-kheo, bốn mươi tám Đại sĩ, năng nhập tuy khác nhưng sở nhập không khác. Y theo khóa tiết nói năm trăm vị hưởng về thật. Như Quán kinh số nói rằng bốn lần bốn là mười sáu, đồng hưởng về thường lạc. Nhất lý, muôn pháp tuy khác nhau nhưng tâm tánh thường đồng nhất, cho nên nói nhất lý. Sở dĩ cũng có khác là vì nghĩa thú có khác. Đây là lý thể tuy đồng nhưng nghĩa khác, tên gọi khác. Như lý có nghĩa là chiếu khắp, cho nên đặt ra danh từ Quán trí. Lý có nghĩa nhiếp khắp, cho nên đặt ra tên gọi Từ Thị. Danh nghĩa tuy khác nhau nhưng chỉ là một lý, cho nên nói là chẳng lìa lý. Trong giải thích tên khác trước nên chia làm hai đoạn. Ban đầu nói về cảnh trí thích ứng, kế là nói về giới nghiệp thích ứng căn cơ. Giải thích chung riêng: Giải thích chung tức cảnh trí hợp nói. Giải thích riêng tức cảnh trí khai nói. Nói phá lập, vì danh từ Quán Âm vốn là cảnh trí không thể suy nghĩ, bàn luận của ngoại giới, thuận theo cơ duyên cũng là cảnh trí không thể suy nghĩ bàn luận, đều dứt bật bốn chấp, xa lìa trăm lo. Người đối với ở đây khởi bốn tánh chấp, nên trước bác bỏ bốn chấp, đã phá bốn tất bị vật thì tạng cảnh trí thành, cho đến viên cảnh trí thành, cho nên phải lập sau. Về phá thì ở dưới trước nêu đặt tên cảnh trí để làm sở phá, Thế là ba thứ thế gian. Nay hỏi cảnh trí đối diện nhau ở dưới đều có bốn câu, trong văn đều có giải thích. Tự cảnh cố cảnh v.v... nghĩa là cảnh tự là cảnh, trí tự là trí, chẳng có nhân tương quan nhau. Đây là tự sanh. Nếu nói cảnh tự là cảnh thì cảnh chẳng nhờ trí chiếu mà cảnh này tự sanh. Nếu nói trí tự là trí, trí chẳng do cảnh phát, là trí tự sanh thì trong đây chỉ hỏi câu đầu, ba câu còn lại theo đó mà biết, nên nói là đẳng. Nếu muốn hỏi đầy đủ thì câu kế nên nói do cảnh cho nên trí là trí tha sanh, nếu do trí cho nên cảnh là cảnh tha sanh. Vì sao? Vì tự cảnh cho nên cảnh gọi là cảnh, vì tự lấy cảnh đối diện với trí, trí tức là tha, nay, cảnh này từ trí sanh, đâu chẳng phải là tha cảnh trí, cũng vậy, nếu hợp cảnh cũ, vì hợp cho nên trí, đây thời cảnh không do trí cho nên thuộc về cảnh, cũng chẳng do cảnh cho nên là cảnh, Trí cảnh nhân duyên hòa hợp cho nên cảnh trí cũng vậy. Đó tức là cộng sanh, cộng sanh có hai lỗi, rơi vào trong tánh tự tha. Nếu chẳng phải trí

chẳng phải cảnh, cho nên là cảnh, cho nên là trí, đó là do lia cảnh lia trí, không nhân duyên mà biện cảnh trí. Từ nhân duyên còn chẳng thật có, huống chi chẳng có nhân duyên ư? Bốn thứ này đều là vọng tưởng suy lường, cho nên phải phá bỏ.

Hỏi: Phật pháp đều nói là nhân duyên hòa hợp thì vì sao bác bỏ cộng sanh.

Đáp: Vì chấp cố định cho nên cũng phải phá, bốn chấp bác bỏ rồi thì bốn thuyết không có lỗi. Về cái mà Trung Luận bác bỏ thì luận nói: Các pháp không tự sanh, cũng chẳng từ tha sanh. Chẳng cộng chẳng vô nhân, cho nên nói vô sanh. Long Thọ đã bác bỏ, đâu thể như trước chấp nhất bốn thứ, cho là nói đối ư? Sáu mươi hai kiến chấp, nghĩa là ta lớn, sắc nhỏ, sắc lớn, ta nhỏ, ngay nơi sắc là ta, lia sắc là ta. Bốn ấm cũng vậy. Ba đời, năm ấm cộng chung thành sáu mươi, chẳng lia có, không. Cho nên sáu mươi hai thứ kiến chấp đều thuộc về biên kiến. Nay đối với cảnh trí khởi bốn kiến chấp ấy, thật ra cùng khởi với tám mươi tám sử. Nói lược biên kiến và ba thọ, nếu nói đầy đủ thì hề chấp một câu cho là ta hiểu rõ pháp này, đối với pháp mà chấp Ngã thì đó là thân kiến. Chấp hai câu một và ba thì rơi vào hữu biên, chấp hai câu hai và bốn thì rơi vào vô biên, đều thuộc về sáu mươi hai kiến, tức là biên kiến. Vọng chấp như vậy chẳng hợp lý, Tức tà kiến chấp đây là thật, chấp là Niết-bàn, tức kiến thủ. Quả trộm cắp là đây là chỗ nương của Đạo, tiến hành tức giới thủ. Nhân trộm cắp có ba khổ, lạc thọ có khổ hoại, khổ thọ có khổ khổ, bất khổ bất lạc thọ có hành khổ. Lạc thọ thì ái v.v... là chấp một thứ cảnh trí là đúng. Nếu người khác khen ngợi thì tâm mê đắm, sanh hỷ mà tâm lạc chính là tham sử. Về khổ thọ, nếu người khác trái nghịch thì tức giận sanh sân mà tâm khổ là sân sử, bất khổ bất lạc là không vì khen, chê thì si sử đẳng phân, cũng thuộc về ba sử. Ta hiểu cảnh trí này, người khác không hiểu, vì chấp đắm, kiêu ngạo đối với người là mạn sử, đã chấp đây là đúng, nay dù chẳng nghi sau sẽ nghi lớn, tức là nghi sử. Cho nên mười sử rõ ràng, đều từ cảnh trí bị chấp mà sanh khởi, sẽ trải qua ba cõi, bốn đế, nên có tám mươi tám sử. Nay đối với năm lợi sử lược nêu biên kiến. Năm độn sử nói lược bốn phần. Tóm lại, vì cảnh trí bốn câu đều rơi vào một bên. Nương sở chấp này đều sanh ra ba thọ, tướng nó dễ thấy, cho nên lại nói. Như hương tế luận, đầy đủ chín mươi tám sử trở xuống. Vẫn nói mỗi câu trong chín mươi tám sử gọi là thức bệnh. Về tám mươi bốn ngàn trần lao, Tam tạng Chân-đế y theo kinh Thập Sử, lấy mười thứ như tham v.v... làm cội gốc, nghĩa là tham cho đến giới thủ mỗi thứ có chín, tùy miên một tức thành

mười, mười lần mười thành một trăm, trước sau các phần, mỗi phần một trăm thành ba trăm. Từ gốc một trăm, trong hai trăm trước sau. Mỗi phần lại lấy thập sử làm phương tiện, hai trăm thành hai ngàn một trăm. Y theo năm loại chúng sanh, nghĩa là nặng về tham, nặng về sân, nặng về si, chấp ngã, tư giác. Năm phẩm đều có hai ngàn một trăm, tức thành một muôn năm trăm, hợp đã khởi chưa khởi thành hai muôn một ngàn; lại hợp các phần tham, sân, si, bốn thứ này mỗi thứ có hai muôn một ngàn, thành tám mươi bốn ngàn. Nay nói bốn phần khai ra: hoặc số tuy nhiều nhưng bốn phần gồm thâu hết. Rốt ráo vắng lặng là không có bốn chấp. Không nương dựa: Là do vắng lặng.

Hỏi: Ý ấy lý đã vắng lặng, sao có nhân quả của đạo, diệt ư?

Đáp: ý ấy chỉ biết khổ, tập chẳng bị bốn chấp làm ngăn ngại, tức là đạo đế, sở duyên vắng lặng tức là đạo đế. Biết bốn v.v... trở xuống: Là nêu bày tướng Đạo đế. Ô ước năm ấm: Là chỉ quán nói chín thứ năm ấm, một sắc tâm gọi quả báo, bình thường tướng thọ gọi vô ký, khởi kiến khởi ái gọi là hai món ô ước, nghiệp thân, miệng, ý, thiện ác chia hai, biến hóa hiển bày hiển hiện gọi là công xảo, người có ba gốc lành gọi là Phương tiện, bốn quả gọi là vô lậu. Nay đối với cảnh trí khởi kiến khởi ái nên nói là ô ước, bất thọ tức quán thọ là khổ, hai thứ còn lại lược bỏ không nói. Đạo phẩm v.v... là bình đẳng lấy ba, bốn, hai mươi lăm, bảy giác chi, tám chính đạo. Lại nữa, từ chính v.v... trở xuống là nêu tướng diệt đế, tức lấy năng quán làm Phật, sở quán làm Pháp, cảnh quán không hai làm Tăng, tam nghĩa nhất tâm tức tam bảo đồng thể, hiểu rõ tức năng quán, ba quán, bốn chấp tức vọng hoặc bị phá, pháp tánh tức ba đế sở quán, cảnh quán chẳng phải hai gọi là hòa hiệp, mà đối với tâm chánh cần chỉ bày diệt đế. Dùng đạo phẩm nói về vị thì chánh cần là phạm vị trong Tiểu thừa. Vì Tiểu y theo Đại tức tương tự sáu căn của Viên giáo. Chứng tâm diệt vô sở trụ v.v... nghĩa là bậc đại Thánh, trong không có bốn chấp, ngoài thuận theo cơ duyên khiến cho được bốn lợi ích. Nói cảnh trí khác nhau, nghĩa là nếu người thích nghe tự sanh cảnh trí, tức nói cảnh là tự cảnh, trí là tự trí, vì hợp với tâm ưa muốn, hoặc nên nghe mà sanh điều lành, hoặc nói đều dứt hoặc, hoặc nghe thì ngộ đạo. Tha, cộng vô nhân cũng vậy. Cho nên kinh luận có nói. Hoặc cảnh hoặc trí không xuất xứ từ, v.v... cảnh trí bốn giáo nêu trong danh đều thuận theo bốn tất. Riêng Biệt giáo được tên gọi ấy, vì ra khỏi Giả vị, chính là dùng bốn tất giáo hóa người. Viên giáo gọi là không thể suy nghĩ, bàn luận là nói ba giáo trước đều có thể suy nghĩ, bàn luận. Nhưng bốn cảnh, bốn trí đều là giải thích chung hai chữ Quán

Thế. Nên biết khác nhau thì văn rất dễ hiểu. Hai thứ trước dùng tâm sanh sáu cõi, ba thứ thế gian làm cảnh, còn trí có sự khác nhau về thể tích. Biệt giáo lấy tâm sanh mười cõi, ba thứ thế gian làm cảnh, dùng Trí thứ lớp. Viên giáo dùng tâm đầy đủ mười cõi, ba thứ thế gian làm cảnh, dùng nhất tâm ba trí. Tất cả pháp từ duyên sanh, nhân duyên chứng cảnh trí đều là thật có, phân tích mới không. Nhưng có danh tự: nghĩa là bình đã vỡ, đầu đã đứt chỉ có tên bình, đầu, không có thật thể. Dụ này xuất xứ từ Đại kinh, chữ Chẳng trụ nầy tức là tánh không, cũng chẳng bất trụ tức tướng không. Pháp nhãn ấy tức mười hạnh xuất xứ từ giả thuyết, cảnh trí bốn giáo bốn tất. Tuy không có cảnh trí v.v... nghĩa là pháp từ tâm tạo, toàn pháp là tâm, tâm vốn tự không, các pháp đâu thể lập. Chẳng có mà có ba ngàn rõ ràng. Vô thỉ bất giác lý đầy đủ tình mê. Nay đã hiểu rõ, biết tâm tức là bất ly. Năng quán riêng có sở chiếu mà đối với nhất tâm tạm chia ra cảnh trí. Cho nên nói mà luận. Từ Kinh v.v... nói trở xuống, nói cảnh là sở quán, chiếu là năng quán. Năng sở như một nên đều nói không thể suy nghĩ, bàn luận. Dục nghĩ: Đại sư còn nhún nhường, tiêu biểu không chuyên chấp, bỏ bốn đã lâu do được vô sở trụ. Từ bi v.v... bao trùm các căn cơ thiên viên, nêu tượng bốn giáo. Cho nên nói về bốn cảnh trí để giải thích tên gọi: Từ Kinh v.v... trở xuống là dẫn chứng. Trong kinh Duy-ma, Thân Tử hỏi thiên nữ rằng, vì sao đối với ba thừa ông lập chí cầu? Thiên nữ đáp: Dùng pháp Thanh Văn giáo hóa chúng sanh thì ta là Thanh văn, dùng pháp Duyên Giác giáo hóa chúng sanh thì ta là Bích-chi-phật, dùng đại bi giáo hóa chúng sanh thì ta là Đại thừa. Quán Âm thiên nữ đều là phần chân, cho nên được dẫn chứng trong phần giải thích riêng. Nếu y theo danh tự làm tiện ứng, trước nói Quán Âm, kế là nói cảnh giới. Nếu giải nghĩa là tiện, trước nói cảnh giới, kế nói Quán Âm. Do trước có cảnh nên có thể nói quán. Nếu chưa có cảnh thì đâu thể quán? Ví như trước có gương, có trống thì sau mới có thể soi, có thể đánh được. Nay theo nghĩa tiện nên, trước cảnh sau trí, ba đế, ba cảnh ấy, chỉ quán làm sáng tỏ lý tánh là một. Đối với chỉ gọi là đế, đối với quán gọi là cảnh. Các văn đã nói đế tức là cảnh, chẳng nói hai thứ khác, ở đây cũng đồng. Sỡ dĩ như vậy, vì các văn chỉ nói ba quán, chẳng nói ba chỉ. Vả lại, hành môn chỉ quán, mới chính thức nêu bày. Một nhân v.v... trở xuống thì gọi đây là ba cảnh, nghĩa là ba cảnh này chẳng phải một, chẳng phải ba, chỉ trong một niệm, trùm khắp các pháp, ba thứ không khác nhau, kia đây dung thông lẫn nhau, nhưng do tình mê nên không thể giác ngộ rõ ràng. Do đó, đối với pháp không ràng buộc mà gượng sanh ràng buộc, cho là hữu tình vô

tình sự khác lý khác. Đối với pháp chẳng giải thoát, mà vọng cầu giải thoát, bèn chán khổ ưa vui, xả có nhập không, xa lìa hai bên cầu Trung đạo. Cho nên có sự khác nhau giữa sanh tử phàm phu và cảnh trí ba giáo. Cho nên nói sở quán của trí tức là bốn. Về bốn thứ quán, Kinh nói: Hạ trí quán nên được Bồ-đề của trung trí quán cho nên được Bồ-đề của Duyên Giác, Thanh Văn, thượng trí quán cho nên được Bồ-đề của Bồ-tát thượng thượng trí quán cho nên được Bồ-đề của Phật. Ngày nay, các Nhà giải thích nghĩa dùng để đối với bốn giáo. Vì Thanh Văn là hạ thừa tạng, là tối hạ giáo. Bồ-đề của Thanh văn tức là Tạng giáo. Duyên giác là trung thừa Thông giáo, lại ở giữa Tạng giáo và Biệt giáo. Bồ-tát là thượng thừa Biệt giáo, vẫn ở trên Thông giáo. Viên giáo lại ở trên Biệt giáo. Nên nói trong thượng thượng, luận có thể biết. Cuối cùng là cảnh ba đế; căn có trùm khắp, mê thành bốn cảnh. Nếu nói về bốn lý thì ba đế thường dung thông, chia thành hai quán: tức Tạng quán và Biệt Quán ở trước đều quán tục đế. Đáp: Tục đế tuy đồng nhưng Tạng thấy tướng thô, Biệt thấy tướng tế. Cho nên chia ra hai thứ khác nhau. Chân cũng có sâu cạn, ba quả trước là phần kiến cho nên cạn, bốn quả là rốt ráo cho nên sâu, cũng làm sâu cạn lẫn nhau. Đã chia ra hai tục thô tế nên có hai chân sâu cạn. Lý thì không hai, nhưng cái thấy có cạn sâu. Chân không chỉ một, thiên chân đã như vậy, trung chân so sánh mà biết. Đây nói sâu cạn không thể dùng Thông giáo phức chân tiêu được. Y theo văn nói lý thì không hai. Nếu y theo phức chân thì rõ ràng là hai nên biết. Đáp: ý đều từ đương phần đẳng quán trở xuống v.v... là chung cho với phần trước kết số. Trước y theo tự tha hộ pháp v.v... Năng sở hợp biện có bảy mươi tám. Nay trải qua pháp quán bốn giáo, thì quán ấy có ba trăm mười hai thỉnh. Kế là nói Trí trở xuống: Hai pháp cảnh, trí chẳng phân mà phân. Cho nên trước giải thích cảnh bèn đối với trí mà nói. Nay văn giải thích, trí theo cảnh. Do đó biết rằng, cảnh chẳng có trí không thể hiển lộ, trí chẳng có cảnh thì trí chẳng thành. Nghĩa tuy cùng nhưng vẫn có chính phụ. Quán nhân duyên v.v... trở xuống là nêu tạng trí, quán nhân duyên không là nêu Thông trí. Quán Nhị đế, giả là tục đế luống dối, không là xét thật Chân-đế. Nay muốn bỏ tục về chân cho nên nói quán. Nhân duyên không giả là giải thích nhập không; trước phải quán giả, biết giả luống dối mà được hội chân, cho nên nói quán nhị đế. Xuất giả v.v... trở xuống là nêu biệt trí, từ không mà có ra nên nói xuất giả, vào ở trong giả cũng nói là nhập giả. Cho nên hai từ xuất nhập các văn lập lẫn nhau. Biệt tuy ba quán nhưng lấy giả làm quán bình đẳng, trước nói bình đẳng, trước phá giả dùng không, nay phá

không dùng giả, phá dùng đã bằng nhau nên gọi là bình đẳng. Trung đạo v.v... trở xuống là nêu lên viên trí, tuy ba quán nhất tâm từ chỗ cao quý mà nêu tên cho nên biểu thị cho Trung đạo, cả ba đều gọi quán. Lại nữa gọi trí là nói theo Thông, Quán trí nghĩa chỉ có một; theo biệt mà xét nhân quả chia hai. Thế trí v.v... trở xuống là bác bỏ phàm phu, do phàm phu ngoại đạo có trí này, chẳng ra khỏi sanh tử, chẳng xao động phiền não, nên nói là trí thế gian, chỉ có danh tự: Nghĩa là vì thế trí này luống dối không thật, chỉ có tên mà không có thật thể, nên nói rằng cũng gọi là danh tự trí. Phàm Thánh thông dụng nghĩa là phàm phu dùng trí này đạt được bốn thiên, tám định, bậc Thánh có hai loại khác nhau: Người Tuệ giải thoát chỉ dùng vô lậu trí thành tựu vô lậu học. Còn người cầu giải thoát dùng cả hai trí. Khi dứt bỏ hoặc thì tùy theo đó dùng một trí. Cho nên nói rằng, dùng cho cả phàm Thánh. Vì trí này phàm Thánh đều có, cho nên nói còn gọi là Đẳng trí. Nhưng các thứ này v.v... trở xuống là kết thúc bác bỏ. Bồ-tát v.v... trở xuống là nói về Bồ-tát. “Đối với pháp quán này” là chỉ cho thế trí, đã chẳng dứt hoặc chỉ dùng thế trí mà quán vô thường, tu sáu độ, thành tựu thắng giải, cuối cùng ra khỏi sanh tử. Từ, Bi, Hỷ, Xả là bốn đẳng tâm, Từ thì cho vui, Bi nhổ gốc khổ, thấy kia lìa khổ được vui cho nên Hỷ, chẳng cầu ân báo nên Xả, chẳng lựa chọn oán thân v.v... đều dùng bốn thứ này. Gọi là bốn đẳng đủ tất cả pháp, tức tu hành đầy đủ sáu độ, bốn đẳng. Ba mươi bốn tâm là tám nhãn, tám trí đoạn kiến, chín vô gián, chín giải thoát dứt tư. Như Chiên-diên tử, tức Thích luận dẫn Ca-chiên-diên Tử làm sáng tỏ nghĩa Bồ-tát. Thích-ca lúc đầu làm người thợ gốm, gặp Đức Thích-ca xưa, phát tâm Bồ-tát, tu hạnh sáu độ. Ba tạng cảnh trí Quán Âm: Bồ-tát tự hành phục sáu tế, tâm từ bi huân tập chúng sanh, chúng sanh xứng danh liền được thoát khổ. Tự hành sáu độ, tâm từ bi huân tập chúng sanh, ứng với người đáng độ: tức là có khả năng thị hiện khiến chúng sanh an vui. Tuy thực hành như hư không bình đẳng, nhưng Bồ-tát từ Bạc địa học du hí thần thông, thường tu quán Bát Địa ra khỏi giả, gọi là bất trụ trong không. Sơ tâm là Kiến địa. Như Phật: người có khả năng che chở, dắt dẫn, phá được vô minh, vô minh phá rồi như thông Phật địa, đồng được tám tướng, nên gọi là Như. Chẳng đồng với người Thông giáo v.v... người Biệt giáo phá không ra khỏi giả, chẳng đồng với người thuộc Thông giáo, từ không tâm ra khỏi giả. Huân tập nhuận sanh, biết không chẳng phải không, ở Lục trụ, Thất trụ, phá không, ra khỏi giả, là pháo sở mê như bụi cát của Thập hạnh, không biết y theo tâm năng mê. Tứ Niệm Xứ nói rằng, Thập Trụ dứt kiến tư, lại nữa, dứt phẩm thượng

trần sa, phẩm trung, Thập Hạnh, phẩm hạ, Thập Hưởng, nay nói về trung phẩm. Về hạnh mãn, vì kinh luận đã nói Biệt giáo vị, kể đến đẳng giác nhất vị hoặc có hoặc không, nay y theo vô thuyết nên nói rằng Thập địa hạnh mãn. Về pháp quán xứng lý, thứ lớp quán trong Biệt giáo còn chẳng phải xứng lý, như vậy có thể biết tích thể trong Tạng Thông là chẳng xứng lý. Ba đế viên dung, bản tánh vốn như vậy, thuận tánh mà quán nên gọi là xứng lý. Lý đã v.v... trở xuống là nêu tướng xứng lý. Từ đầu đến cuối, sơ nghĩa là danh tự y, giải tu quán gọi là Quán Âm danh tự. Hậu là diệu giác, rốt ráo hiển lý gọi là Quán Âm cứu cánh. Năm tức vị khác với viên quán. Năm trụ viên trừ: nghĩa là ba hoặc đều phá.

Hỏi: trong giai vị Thập Tín, hai hoặc đã được dứt bỏ trước, vì sao gọi là năm trụ viên trừ?

Đáp: viên quán tâm tánh thô cấu tự bỏ cho nên bốn niệm xứ lấy việc rèn sắt làm ví dụ. Trong viên quán nhất sanh, bậc sơ Trụ có thể đạt được. Nếu thứ lớp thực hành thì hai hoặc trong một đời được dứt bỏ trước, tuy chẳng trải qua cũng thành thứ lớp, hoặc Viên tiếp biệt, hoặc Biệt tiếp thông, hoặc giải viên hành tiệm, đồng thời hai hoặc được dứt bỏ trước, đều chẳng phải ý ở đây. Văn ở đây chính là giữ hành viên đốn nên nói là viên trừ. Diệu giác Quán Âm.

Hỏi: Quán Âm là bậc Đẳng Giác, nhân là người vì sao nói về cực quả Diệu giác để giải thích ư?

Đáp: kinh Quán Âm Tam-muội nói rằng Bồ-tát này đã thành Chánh giác, hiệu là Phật Chánh Pháp Minh. Kinh Quán Âm Thọ Ký nói rằng: Sắp được bỏ xứ xưng là Phổ Quang Công Đức, bốn tích như vậy nên đứng về mặt rốt ráo, giải thích lý là không có lỗi.

Hỏi: Tên riêng như thế, còn tên chung thế nào?

Đáp: Văn chẳng nên ví dụ để giải thích việc này, là Bồ-tát danh tự cho đến Bồ-tát Cứu cánh. Đại luận nói: chúng sanh vô thượng là Phật, huống chi Bồ-tát chúng sanh là tên khác ghép chung giữa Hán và Phạm, thông cực quả. Văn nghĩa ở đây. Ba trí này và thế trí nữa là bốn. Vì thế trí là cảnh nên chỉ nói là ba. Cũng đối với năm căn, nghĩa là ba trí đã thuộc về bốn giáo, năm căn cũng vậy. Mắt thường và mắt trời soi chiếu việc thô tế, đều là thế trí, đều là gốc của các quán cảnh, tức đồng với câu kệ đầu của Trung Luận. Quán Âm Tạng giáo chẳng dứt bỏ phiền não, cho nên chỉ nói về hai mắt thế trí. Nếu nói về Nhị thừa thì, từ đây nhập quán pháp tích, dứt hoặc cũng được mất tuệ. Lại nữa, Bồ-tát trong ba kỳ trăm kiếp, đắc năm thần thông, được mắt pháp, phân

biệt căn tánh, điều phục cho chúng sanh thuần thực. Ở đây nhìn theo Biệt giáo nên chỉ gọi là hai mắt thế trí. Thông giáo chỉ gọi nước tuệ, Biệt giáo chỉ gọi mắt pháp. Ý kia cũng vậy. Chiếu chân là trí Nhất Thế, cho nên đối mắt tuệ là Thông giáo: Chiếu giả là trí Đạo chủng, cho nên đối mắt pháp là Biệt giáo. Thuốc là đạo, diệt, bịnh là khổ, tập. Chiếu tướng thật chân tục tức trí Nhất thế chủng. Mắt này là mắt phật. Ba pháp trong chân tục. Tục gồm ba mắt: Mắt thường, mắt trời và mắt pháp; Phật mắt dùng đến năm mắt cho nên nói một mà tên khác nhau. Tiểu Bát-nhã nói Như-lai có mắt thường hay không? Đáp: có; có mắt Phật hay không? Đáp: có. Nay kinh nói, năm mắt đầy đủ thành Bồ-đề, đều là ý này. Nhưng từ sự cao quý mà có tên nên nói là mắt Phật. Ví như các sông chảy ra biển thì mất đi tên gốc. Đại luận nói, mười trí nhập trí như thật, không trở lại tên gốc, chỉ gọi là trí như thật. Năm nhãn đầy đủ mà chỉ gọi là mắt phật. Ba trí v.v... trở xuống: Là nên giải thích ra khai, hợp, lý do của bốn quán, nghĩa là trong Đại kinh bốn thứ mười hai nhân duyên quán. Hạ, trung, thượng, và thượng thượng. Kinh ấy chung cho pháp phân tích. Nói bốn quán, Đại phẩm Anh lạc, y theo Đại thừa, chỉ nói ba quán ba trí. Ở đây nếu khai hai kinh hợp với Niết-bàn thì nên khai tích pháp, từ giả nhập không, quán sanh diệt, nhất thiết trí. Nếu hợp với Niết-bàn theo hai kinh ấy: hạ phẩm, trung phẩm quán đồng là Trí nhất thiết. Nếu đem ba kinh, hoặc khai hoặc hợp đối năm nhãn mắt thường và mắt trời đều là thế trí, là gốc của quán cảnh. Hoặc ba quán ba trí, từ cảnh này liền nhập thế pháp Nhất thế trí. Hoặc bốn quán bốn trí, từ cảnh này liền nhập tích pháp Nhất thế trí. Nay nói về Bồ-tát chẳng dứt hoặc biên, vừa rồi dùng thế trí đối tạng. Lại nữa, Tạng giáo diệt sự mới không, đã còn ở sự cho nên đối thế trí; trong kệ Trung luận, câu đầu Đối tạng, tức là ý này. Các nhãn khác đối trí và quán, đều như văn hồi hướng. Thân nhiếp trở xuống chú là thích v.v... các kinh luận nói danh tướng rộng hẹp, khai, hiệp thường chia thành ba, ba một, một ba dung nhiếp lẫn nhau, nhập vào tâm mình để thành diệu quán mới biết Phật Pháp mười phương chẳng lìa sát-na. Thế: là chẳng y theo giới nghiệp mà giải thích căn cơ. Nếu nói là cơ chính là ở âm chữ. Nếu chẳng liên đời thì nghĩa ấy không hiển bày. Vì mười pháp giới là chỗ sanh cơ, cho nên chánh văn chia làm hai. Ban đầu, Thông giáo nói nghĩa thế tục ngăn cách khác nhau, trong mười cõi này, có phàm có Thánh, có Đại có Tiểu, có quyền có thật, hai báo, ba nghiệp, cao thấp khác nhau, tên riêng, tên khác. Thế gian v.v... trở xuống là Biệt giáo nói về căn cơ. Thế là sắc; lại thiếu chữ tâm. Trong mười pháp giới, mỗi

pháp giới đều có ba thế gian; giả, thật thuộc về chánh báo, cõi nước thuộc về y báo. Nay nói sắc tâm là chỉ cho năm ấm thật pháp. Giả danh là ấm mà lập ra cõi nước, là chỗ ở của ấm cho nên nêu sắc tâm đủ bao gồm hai thứ còn lại. Sắc tức quán thế thân đấng: Nghĩa là nếu nói về Đại sĩ tự thực hành quán năm ấm không mà thành Thánh đạo thì nên gọi Quán Thế thân và Quán Thế ý. Đã gọi quán tâm tức là quán khẩu nghiệp chúng sanh mười cõi làm căn cơ. Cho nên nói Âm là cơ. Đây là nói về hóa tha đặt tên. Văn này còn vì thân, ý nên khẩu nghiệp thuộc về cơ. Nếu nói đầy đủ thì mỗi thứ có đủ ba nghiệp. Cả ba đều ở tại cơ, như năm vóc sát đất, đốt hương rải hoa, thân nghiệp là cơ. Đại sĩ ứng đến tức thân quán thế. Giữ niệm, đếm hơi thở ý nghiệp làm cơ. Đại sĩ ứng đến tức Quán Thế Âm. Cầu thỉnh khẩu nghiệp là cơ, Đại sĩ ứng đến tức Quán Thế Âm, cả ba đều ở tại ứng, thân ý như trước. Nếu nói về khẩu nghiệp, tức là Đại sĩ tự Quán Âm thanh mà được thành đạo. Do tự hành mà thành cho nên có công năng ứng vật. Đây là giải thích cơ ứng mỗi thứ đều có ba, có khác với Phổ môn huyền nghĩa, phù hợp số văn ngày nay. Nói Bồ-tát v.v... vì Thiên-trúc nói đảo, tiếng Hán thì nói Đại đạo thành chúng sanh, nghĩa là tự cầu Đại đạo rộng lớn. Lại nữa, thành thực chúng sanh, thích luận v.v... trở xuống nói lúc mới phát tâm liền tự cầu đại đạo, độ tất cả tức thành thực chúng sanh. Năng nhẫn thành đạo sự: Là chẳng đồng Nhị thừa vội vàng chứng đắc. Bất động trở lên thì ma chẳng khuấy rối được, Tiểu không thể phá. Có các thứ thành tựu, tên chung cả bốn giáo. Đạo nhân duyên là Bồ-tát Tạng giáo, không đạo là Bồ-tát Thông giáo, giả đạo là Bồ-tát Biệt giáo, đạo đệ nhất nghĩa là Bồ-tát Viên giáo (văn thiếu hai chữ giả đạo). Lại nữa đối với các đạo: Tức bốn đạo trên, nhưng văn chỉ nêu Tạng giáo, ba thứ còn lại là Thông, Biệt, Viên bỏ không nói. Tu thẳng nhân duyên, như thực hành sáu độ và bốn tâm vô lượng chẳng tu quán vô thường, chẳng phát bốn thế nguyện rộng lớn chỉ là nhân cõi trời, cõi người, cũng gọi là Đạo, cho nên phải phân biệt. Nay nói đạo: Chính là nói riêng Bồ-tát tu đạo xuất thế. Do đó, nói khởi từ bi v.v... Nếu là Bồ-tát Thông giáo thì nên chọn đạo Nhị thừa tự chứng, Biệt giáo, nên chọn đạo từ không xuất, Viên giáo lựa chọn đạo thứ lớp. Nay Bồ-tát tức Quán Âm vốn tu viên hạnh, đối với nhất đạo quán nhất thiết đạo, nhất hạnh tu nhất thiết hạnh, cho đến phần quả tùy cơ lợi kiến, bốn ứng khác nhau. Tự chẳng phải quán tâm ba ngàn ba đế, ai có thể đến đây ư! Đâu có bỏ một lấy một hỏi: Nếu Bồ-tát vốn tu Viên hạnh thì bỏ Thiên, Tiểu. Sao nói không lấy bỏ ư ! Đáp: lấy bỏ tức không lấy bỏ, Viên quán quyền thật vốn chẳng lìa tâm

tánh, đâu thể lấy tâm tánh, bỏ tâm tánh, chỉ có thấy tâm tánh. Nhưng Bồ-tát v.v... trở xuống: là tuy biết vốn đầy đủ đương thể trong không mà chẳng sở đắc, không nạn khổ và không phân biệt. Vì căn cơ cũng khác nhau, là nói gương là một, hiện tượng tự có khác nhau. Hiện tượng chẳng đồng do hình đối diện. Cho nên thuận theo bốn cơ, mà có bốn ứng này. Lấy Dụ hợp với Pháp, ý chỉ kia rất dễ thấy. Người khác trở xuống: là đoạn hỏi đáp, hợp với phần giải thích tên khác, về sau hợp với ở đây: đó là do hoặc tùy tiện hoặc văn lầm lẫn. Vấn ý giả: Giả thiết rằng ba nghiệp Bồ-tát đều quán căn cơ, ý lần lượt xem xét cơ, nghĩa này rất dễ hiểu. Thân, miệng là sắc làm sao soi xét căn cơ, cho nên nói thân, miệng như là quán, Thánh quán, trí quán. Người trước v.v... trên quán khứ thanh, dưới quán bình thanh, tức là ý luân phiên quán căn cơ của thân, miệng trong mười cõi kia thì có thể gọi là Quán Thế Thân, Quán Thế Âm. Chẳng phải bậc Thánh dùng thân, miệng của mình quán người. Vì thân miệng chỉ có thể hiện đời nói pháp. Nhưng thật quán căn cơ của ba nghiệp, chính do thân miệng là nạn, cho nên không nói ý, chỉ nói quán thân miệng của người trước. Chung cũng được: Là trên nói chung thì quán cơ chỉ có ý. Hoặc nói theo nghĩa chung thì ba nghiệp vốn dung thông, sáu căn dùng lẫn nhau, thì thân, miệng của bậc Thánh đâu có ngăn ngại việc quán cơ. Từ chỉ trừ trở xuống thì bệnh nghĩa là vọng tình, pháp là ba chướng. Nếu dứt bỏ vọng tình, thì thể của chướng trở về chân. Nếu phá ba chướng tức là phá đức, cho nên chỉ trừ bịnh chẳng trừ pháp. Xà hủy, hủy cũng là xà. Nhĩ Nhã nói rằng rắn hổ mang dài ba tấc, đầu lớn như ngón tay cái của người. Đây là từ một loại rắn gọi là phúc hủy. Thích âm triết, lại âm thích. Rắn hổ mang giống như ba chướng, độc như vọng chấp. Nay bỏ vọng chấp như trừ độc, chẳng quên ba đức giống như chẳng xâm hại người. Ba chướng vốn chân như, chẳng mất mạng. Như pháp chú xà của thế gian chỉ trừ độc ấy. Điều thiện: Là điều phục việc ác khiến thành điều lành. Kham nhậm thừa ngữ: Đại kinh nói chú sư, chú rồng độc v.v... có khả năng chế ngự chẳng tổn hại mạng. Tùy ứng được độ: Vì tánh ác chẳng dứt được cho nên về mặt quả thì do căn cơ mà điểm, hiện thân bốn đường ác.

